

**ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI CÁC LOÀI TRONG CHI CỒNG (*CALOPHYLLUM* L.)  
- HỌ BỨA (CLUSIACEAE LINDL.) Ở VIỆT NAM**

Lê Ngọc Hân<sup>1</sup>, Trần Thế Bách<sup>1,2</sup>, Trần Đức Bình<sup>1</sup>, Doãn Hoàng Sơn<sup>1</sup>,  
Thiều Thị Huyền Trang<sup>1</sup>, Bùi Thu Hà<sup>3</sup>, Sangmi Eum<sup>4</sup>

<sup>1</sup>Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

<sup>2</sup>Học viện Khoa học và Công nghệ,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

<sup>3</sup>Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

<sup>4</sup>Viện nghiên cứu Sinh học và Công nghệ Sinh học Hàn Quốc

Chi Cồng (*Calophyllum* L.) được Linnaeus mô tả lần đầu tiên trong công trình “*Species Plantarum*” năm 1753. Hiện nay trên thế giới chi *Calophyllum* có khoảng 190 loài, tập trung chủ yếu ở các nước nhiệt đới. Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu về chi *Calophyllum* phải kể đến như: C. J. Pitard (1910) trong công trình “*Flore Générale de L’Indo-Chine*” đã đề cập đến 12 loài, trong đó 9 loài có ở Việt Nam; công trình gần đây nhất của Phạm Hoàng Hộ (1999) và Nguyễn Tiến Bân (2003) đề cập đến 14 loài và 1 thứ. Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi đưa ra đặc điểm hình thái, sinh học sinh thái, mẫu chuẩn, mẫu nghiên cứu, phân bố và giá trị sử dụng (nếu có) của các loài thuộc chi Cồng ở Việt Nam.

## I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các loài trên cơ sở mẫu tươi và các tiêu bản khô thuộc chi *Calophyllum* ở Việt Nam được lưu giữ tại các phòng tiêu bản của các Viện nghiên cứu và các trường Đại học như Phòng tiêu bản Bộ môn thực vật, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (HNU); Bảo tàng thực vật Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN); Phòng Thực vật Viện Sinh học Nhiệt đới Thành phố Hồ Chí Minh (HM),...

### 2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh hình thái, đây là phương pháp truyền thống, tuy đơn giản nhưng vẫn đảm bảo độ chính xác cao.

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. *Calophyllum balansae* Pitard – Rù rì

C. J. Pitard, 1910. Fl. Indo-Chine 1 (2): 320; P. F. Stevens, 1980. J. Arnold Arbor. 61: 228; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 458; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 361.

Cuống lá 0,6-0,8 cm, nhẵn; phiến hình bầu dục, kích thước 3-7 x 1,5-4 cm. Cụm hoa ở đỉnh cành, sát lá ở đỉnh, nhiều hoa, trục 15 cm. Hoa lưỡng tính; đài cỡ 3,5-6 x 4-5,5 mm, tràng hình cầu hay hình trứng rộng. Nhị nhiều, chỉ nhị 6 mm, bao phấn hình thuôn, 1 mm. Quả hình bầu dục, dài 2-2,2 cm; màu nâu, vỏ nhẵn khi khô.

**Loc. class.:** Tonkin. **Lectotypus:** Balansa 4346 (P).

**Sinh học và sinh thái:** Mọc rải rác trong rừng thấp. Ra hoa tháng 3-5, có quả tháng 10.

**Phân bố:** Hòa Bình (Lạc Thủy), Hà Nam (Kim Bảng), Ninh Bình, Quảng Trị (Hương Hóa), Thừa Thiên-Huế (Bạch Mã).

**Mẫu nghiên cứu:** HÒA BÌNH, Lạc Thủy, B 596 (HNU). - HÀ NAM, Kim Bảng, Ba Sao, P 3025, 3321, 3462 (HNU).

**2. *Calophyllum calaba* L. var. *bracteatum* (Wight) P. F. Stevens – Cồng tía**

P. F. Stevens, 1980. J. Arnold Arbor. 61: 261; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 458; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 361.

Cây gỗ, cao 25 m, vỏ thân hơi vàng. Cụm hoa ở nách lá, 5-7-(12) hoa, có lông đỏ; lá bắc hình bầu dục hay hình trứng. Cuống hoa 4-11 mm, có lông; đài 4, cao 3,5-4 mm; cánh hoa 4, cao 7 mm, màu trắng; nhị 20-90, đỉnh có mấu nhọn; bầu 1-1,5 mm, vòi nhụy 1,5-3 mm, núm nhụy hình khiên. Quả hình cầu, dài 1,2 cm.

**Loc. class.:** Burma, Tenasserim. **Syntypus:** Griffith 439 (K).

**Sinh học và sinh thái:** Mọc rải rác ven rừng, trên đất nhiều cát. Mùa hoa quả từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau

**Phân bố:** Nghệ An, Gia Lai, Lâm Đồng, Khánh Hòa (Nha Trang), Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai, Kiên Giang (Phú Quốc). Còn có ở Lào, Campuchia, Thái Lan.

**Mẫu nghiên cứu:** GIA LAI, An Khê, P 2950 (HNU). - TÂY NINH, Muller 1231 (HM). – Tp. HỒ CHÍ MINH, Pierre 22 (HM).

**3. *Calophyllum ceriferum* Gagnep. ex P. F. Stevens – Choi**

Gagnep. ex P. F. Stevens, 1980. J. Arnold Arbor. 61: 499; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 458; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 361.

Cây gỗ, cao 5-12 m. Cuống lá 0,6-1,3 cm, nhẵn; phiến hình bầu dục, kích thước 2,5-5,5 x 1,5-3,5 cm, gốc nhọn hay tù, chóp tù đến hơi nhọn, mép lá nguyên; gân bên rõ. Cuống hoa 0,5-3 cm, mảnh, nụ trưởng thành dài 1,3-2 mm. Hoa lưỡng tính; đài 4, hình trứng, cỡ 5-6 x 3,5-5 mm, trắng hình trứng rộng. Nhị nhiều, chỉ nhị 5 mm, bao phấn hình thuôn; bầu 1,7-2 mm. Quả hình bầu dục, dài 1,7 cm.

**Loc. class.:** Annam, Nhatrang. **Holotypus:** Poilane 6172.

**Sinh học và sinh thái:** Mọc rải rác ven rừng ở vùng duyên hải, độ cao 100-400 m. Ra hoa tháng 4-5, có quả tháng 10.

**Phân bố:** Mới thấy ở Khánh Hòa, Ninh Thuận (Cà Ná).

**Mẫu nghiên cứu:** KHÁNH HÒA, Ninh Hòa, Poilane 6172, 63324 (HM).

**4. *Calophyllum dongnaiense* Pierre – Cồng nước**

Pierre, 1885. Fl. Forest. Cochinch. 108; Pitard in Lecomte, 1910. Fl. Gen. Indoch. 1 (2): 324; P. F. Stevens, 1980. J. Arnold Arbor. 61: 234; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 458; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 361.

Cây gỗ, đường kính 40 cm, gỗ màu đỏ. Phiến lá hình bầu dục hay hình thuôn, kích thước 11-20 x 3-6 cm, khi khô màu nâu đen; 6-10 cặp gân bên/5 mm. Cụm hoa ở đỉnh cành, 5-7 hoa, trục 3,5-6 cm. Cuống hoa 1-1,5 cm; cánh hoa 1 cm, nhị nhiều. Quả bầu dục, cao 2 cm; khô có phần hơi nâu, nhẵn; vỏ ngoài cứng, dày 1 mm.

**Loc. class.:** Vietnam. **Holotypus:** Pierre 3644

**Sinh học và sinh thái:** Mọc rải rác trong rừng. Có quả tháng 3.

**Phân bố:** Mới thấy ở Đồng Nai (Biên Hòa)

**Mẫu nghiên cứu:** ĐỒNG NAI, Biên Hòa, Poilane s.n. (HM).

### 5. *Calophyllum dryobalanoides* Pierre – **Cồng trắng**

Pierre, 1885. Fl. Forest. Cochinch. 106; Pitard, in Lecomte, 1910. Fl. Gen. Indoch. 1 (2): 319; P. F. Stevens, 1980. J. Arnold Arbor. 61: 232; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 459; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 361.

Cây gỗ, cao 30 m, đường kính 45 cm; vỏ thân màu đỏ. Cụm hoa ở đỉnh cành, sát lá ở đỉnh, 13-nhiều hoa, trục 3 cm, có lông; lá bắc sớm rụng. Hoa lưỡng tính, đài 4, gần hình cầu, cỡ 3-3,5 x 2,7-3,5 mm; cánh hoa hình trứng rộng, cao 5 mm; nhị khoảng 100, chỉ nhị 3,5 mm, bao phấn hình bầu dục, dài 0,7-1 mm, đỉnh rộng; bầu 1,7 mm, vòi nhụy 2 mm. Quả hình cầu đến hình trứng rộng, cỡ 1,8-2,3 x 1,5-2 cm, đỉnh tròn.

**Loc. class.:** Cochinchina. **Lectotypus:** Pierre 83 (P).

**Sinh học và sinh thái:** Ra hoa tháng 7-8, có quả tháng 9-10.

**Phân bố:** Quảng Trị (núi Răng Cọp), Thừa Thiên Huế (Bạch Mã), Lâm Đồng, Bà Rịa – Vũng Tàu (Bà Rịa, núi Đỉnh). Còn có ở Thái Lan.

**Mẫu nghiên cứu:** LÂM ĐỒNG, Di Linh, Pierre 83 (HM).

### 6. *Calophyllum inophyllum* L. – **Mù u**

L. 1753. Sp. Pl. 1: 513; Bentham, 1863. Fl. Austral. 1: 183; T. Anderson, in Hook. f. 1874. Fl. Brit. India, 1: 273; Pitard in Lecomte, 1910. Fl. Gen. Indoch. 1 (2): 324; Backer, & Bakh. f. 1965. Fl. Java, 1: 386; P. F. Stevens, 1980. J. Arnold Arbor. 61: 322; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 457; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 362.

Phiến lá hình trứng đến hình bầu dục, kích thước 15-17 x 6-11 cm, gốc tròn hay hình nêm, chóp tù hay gần tròn. Cuống hoa 1,4-3 cm, nhẵn; đài 4, hình trứng, cao 6-10 mm, màu trắng; cánh hoa 4, cao 9-15 mm, màu trắng; nhị nhiều; bầu 1,5-3,5 mm, vòi nhụy 4,5-8 mm, núm nhụy hình khiên. Quả cỡ 2,5-5 x 2-4 cm, vỏ nhẵn.

**Loc. class.:** Ceylon. **Typus:** Hermann s.n.

**Sinh học và sinh thái:** Mọc rải rác ven rừng, rạch, rựa gần biển. Mùa hoa quả tháng 9-6 năm sau

**Phân bố:** Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa (Nha Trang), Ninh Thuận, Bình Thuận (Phan Thiết), Bình Dương (Thủ Dầu Một), Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Bạc Liêu, Cà Mau. Còn có ở Ấn Độ, Lào, Campuchia, Thái Lan, Malaixia, Indônêxia, Philippin, châu Đại Dương.

**Mẫu nghiên cứu:** HÀ NỘI, Cầu Giấy, Phương 6544 (HN). - THỪA THIÊN-HUẾ, Phú Lộc, CBT 06, 11; Trần Lợi Sanh 144 (HN). - KHÁNH HÒA, Trường Sa, Khôi - Phương 27 (HN)

### 7. *Calophyllum membranaceum* Gardn. & Champ. – **Cồng xương cá**

Gardn. & Champ. 1849. Jour. Bot. Kew Misc. 1: 309; Auct. 1972. Ic. Corm. Sin. 2: 883; P. F. Stevens, 1980. J. Arnold Arbor. 61: 672; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 459; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 362.

Cuống lá 5-13 mm, có lông; phiến cỡ 4,5-13 x 1,5-4,5 cm. Cụm hoa ở nách lá, 3-9 hoa, không phân nhánh, trục 2-5 cm, có lông; lá bắc hình bầu dục, cao 1-6 mm. Hoa lưỡng tính;

phiến hoa 8(12), 2 vòng; nhị nhiều, chỉ nhị 1,5-4 mm, dính trên 1,5 mm, bao phấn hình cầu, 0,4-0,9 mm; bầu 1,2-1,8 mm, vòi nhụy 10 mm. Quả hình bầu dục, đôi khi hình trứng, vỏ nhẵn, dày 0,4-1 mm.

**Loc. class.:** Hongkong. **Holotypus:** Champion s.n

**Sinh học và sinh thái:** Mọc rải rác trong rừng, mùa hoa quả tháng 4-11.

**Phân bố:** Bắc Kạn, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Phú Thọ, Vĩnh Phúc (Tam Đảo), Hòa Bình, Ninh Bình, Nghệ An, Kon Tum. Còn có ở Trung Quốc, Thái Lan.

**Mẫu nghiên cứu:** NINH BÌNH, Cúc Phương, B 416 (HN). - NGHỆ AN, Con Công, HBL 146 (HNU). - KON TUM, Đắc Tô, Phương 461 (HN).

### 8. *Calophyllum pisiferum* Planch. & Triana – **Công giây**

Planch. & Triana, 1862. Ann. Sei. Nat. Bot. 4. 15: 294; T. C. Whitmore, 1973. Tree Fl. Malaya 2: 172; P. F. Stevens, 1980. J. Arnold Arbor. 61: 515; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 459; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 362.

Cuống lá 2,5-5 mm, có lông; phiến lá hình trứng đến hình bầu dục, kích thước 4-9 x 2-4 cm, gốc tròn hay hình nêm, chóp lá tròn đến nhọn, mép lá gợn sóng và uốn xuống; ít hơn 12 cặp gân bên/5 mm. Hoa lưỡng tính; đài 4, hình trứng hay bầu dục rộng; không cánh hoa; nhị nhiều, chỉ nhị 4,5 mm, bao phấn hình bầu dục; bầu 1,2 mm, vòi nhụy 2,5-3,5 mm. Quả cỡ 6-9 x 5,5-7 mm, vỏ quả 0,2-0,5 mm.

**Loc. class.:** Malaya, Malacca. **Lectotypus:** Gaudichaud 86 (G).

**Sinh học và sinh thái:** Ra hoa tháng 9-11, có quả tháng 1-2 năm sau.

**Phân bố:** Lâm Đồng (Bảo Lộc), Bình Dương (Thị Tín), Tây Ninh. Còn có ở Ấn Độ, Lào, Campuchia, Thái Lan, Malaixia.

**Mẫu nghiên cứu:** LÂM ĐỒNG, Bảo Lộc, LX-VN 1173 (HN).- BÌNH DƯƠNG, Thị Tín, HFL 1766 (HN).

### 9. *Calophyllum polyanthum* Wall. ex Choisy - **Công nhiều hoa.**

Wall. ex Choisy, 1849. Descr. Guttif. Inde. 43; Planchon, & Triana, 1862. Ann. Sci. Nat. Bot. 4. 15: 278; T. Anderson in Hook. f. 1874. Fl. Brit. India 1: 274; Craib, 1931. Fl. Siam. Enum. 1: 121; Dutt et al. 1974. Indian Forester, 100: 65; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 459; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 362.

Cây gỗ, nhựa mù màu trắng. Phiến hình trứng đến hình bầu dục; gân bên nhiều hơn 8 cặp/5 mm. Hoa lưỡng tính, mẫu 4, đài hình trứng hay hình cầu, cỡ 2-5 x 2-3,5 mm; tràng gấp đôi đài. Bao phấn hình bầu dục hay hình cầu; vòi nhụy 2-3 mm, núm hình khiên, 2-3 ô. Quả hình trứng hay gần trứng.

**Loc. class.:** India. **Holotypus:** Wallich 4844 (G).

**Sinh học và sinh thái:** Mọc rải rác trong rừng. Ra hoa vào tháng 3-4.

**Phân bố:** Khánh Hòa (Nha Trang, Ninh Hòa). Còn có ở Lào, Thái Lan, Ấn Độ.

**Mẫu nghiên cứu:** KHÁNH HÒA, Nha Trang, Phương 7699 (HN).

**10. *Calophyllum poilanei* Gagnep. ex P. F. Stevens – **Cồng poilane****

Gagnep. ex P. F. Stevens, 1980. J. Arnold Arbor. 61: 670; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 460; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 362.

Cây gỗ nhỏ. Cụm hoa ở đỉnh cành, nhiều hoa, phân nhánh, trục 10 cm, có lông lúc non; lá bắc hình trứng, cao 7 mm, sớm rụng. Cuống hoa 5-10 mm, có lông. Hoa lưỡng tính; màu trắng, thơm; đài 5, hình trứng, cao 8 mm; cánh hoa 5, hình bầu dục, cao 10-15 mm; nhị 130-180, chỉ nhị 9 mm, bao phấn hình thuôn, 1-1,23 mm; bầu 1,2-1,4 mm, vòi nhụy 6-8 mm, 3-4 ô.

**Loc. class.:** Nha Trang, Annam. **Typus:** Poilane 6572.

**Sinh học và sinh thái:** Ra hoa tháng 5-6.

**Phân bố:** Mới thấy ở Khánh Hòa (Nha Trang, Ninh Hòa, Hòn Vọng Phu).

**Mẫu nghiên cứu:** KHÁNH HÒA, Ninh Hòa, Poilane 6454, 6572 (HM).

**11. *Calophyllum rugosum* P. F. Stevens – **Cồng nhãn****

P. F. Stevens, 1980. J. Arnold Arbor. 61: 631; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 460; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 362.

Phiến hình bầu dục đến hình trứng, kích thước 3-8 x 2-4 cm, góc hình nêm, chóp tù đến hơi nhọn; dạng da; khô màu nâu; gân chính có lông ở mặt dưới, gân bên không rõ, đặc biệt ở mặt trên, 2-7 cặp/5 mm. Cụm hoa ít hơn 20 hoa, trục 5 cm, có lông thưa hay lông gân gốc. Cuống hoa 1,2-2 cm, nhãn, nụ trường thành dài 2,5-5 mm. Hoa 6 mảnh, hình trứng, nhị nhiều. Quả hình cầu hay trái xoan, dài 2 cm; vỏ nhãn.

**Loc. class.:** Indochine, Annam. **Typus:** Poilane 30918.

**Sinh học và sinh thái:** Mùa hoa quả tháng 6-11.

**Phân bố:** Mới thấy ở Lâm Đồng, Nha Trang.

**Mẫu nghiên cứu:** LÂM ĐỒNG, Bảo Lộc, LX-VN 1220 (HN).

**12. *Calophyllum soulatti* Burm. f. – **Cồng tau lau****

Burm. f. 1768. Fl. Indica: 121; T. Anderson, in Hook. f. 1874. Fl. Brit. India, 1: 276; T. C. Whitmore, 1973. Tree Fl. Malaya, 2: 192; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 460; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 363.

Cuống lá 1,5 cm; phiến lá hình trứng đến hình bầu dục. Cụm hoa ở nách lá, 7-21 hoa, phân nhánh, trục 3 cm, có lông ở gốc; lá bắc hình trứng, 6 mm. Cuống hoa 1-2 cm, không lông. Hoa lưỡng tính; đài 4, hình trứng, cao 4-6 mm, không cánh hoa; nhị 40-140; bầu 1-2 mm, vòi nhụy 1,5-2,5 mm, núm nhụy hình khiên. Quả hình cầu, dài 1-1,5 cm; vỏ quả 1,5-3 mm, có khoang chứa khí.

**Loc. class.:** Java. **Typus:** Burman s.n. (G).

**Sinh học và sinh thái:** Trong rừng vùng lầy. Mùa hoa quả tháng 6-12.

**Phân bố:** Gia Lai, Lâm Đồng (Bảo Lộc), Đồng Nai (Trảng Bom), Kiên Giang (Phú Quốc). Còn có ở Ấn Độ, Campuchia.

**Mẫu nghiên cứu:** GIA LAI, Kbang, Phương 1192 (HN).

**13. *Calophyllum tetrapterum* Miq. – Cồng vảy ốc**

Miq. 1854. Pl. Jungh. 291; P. F. Stevens, 1980. J. Arnold Arbor. 61: 503; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 460; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 363.

Cây gỗ, cao 20 m. Cuống lá 0,4-1 cm, có lông; phiến lá hình bầu dục đến hình trứng. Cụm hoa ở nách lá, 3-11 hoa, không phân nhánh, trục 1-4 cm; lá bắc khó thấy, nhanh rụng. Cuống hoa 5-20 mm, mảnh, có lông. Đài 4, hình trứng hay bầu dục rộng, cỡ 2-5 x 2-4 mm; không cánh hoa; nhị nhiều, chỉ nhị 4,5 mm, bao phấn hình thuôn; vòi nhụy 3,5 mm, núm nhụy hình khiên. Quả dài 1,5-2 cm, đỉnh tròn; vỏ quả 0,5-1 mm.

**Loc. class.:** Sumatra. **Holotypus:** Junghuhn s.n. (U).

**Sinh học và sinh thái:** Mọc rải rác trong rừng, ra hoa tháng 8-10, có quả tháng 11-12.

**Phân bố:** Kiên Giang (Phú Quốc). Còn có ở Campuchia, Malaixia, Indônêxia.

**Mẫu nghiên cứu:** KIÊN GIANG, Phú Quốc, Poilane s.n. (HM).

**14. *Calophyllum thorelii* Pierre – Cồng mù u**

Pierre, 1885. Fl. Forest. Cochinch. 1: 103; Vesque in C. DC. 1893. Monogr. Phanerog. 8: 601; Pitard in Lecomte, 1910. Fl. Gen. Indoch. 1 (2): 322; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 461; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 363.

Cụm hoa ở đỉnh cành, sát lá ở đỉnh, nhiều hoa, trục 12 cm, có lông; lá bắc hình trứng đến hình bầu dục, dài 0,5-1,8 cm, sớm rụng. Hoa lưỡng tính, mẫu 4-5, đài 4-5, hình trứng hay hình cầu, 5 mm, cánh hoa gấp đôi đài; bao phấn hình bầu dục hay gần hình chữ nhật, dài 0,7-1,3 mm; bầu 1,5-2,5 mm, vòi nhụy 5 mm, núm nhụy hình khiên. Quả hình trứng đến hình bầu dục, cỡ 2-3 x 1,1-1,6 cm

**Loc. class.:** Cochinchine. **Lectotypus:** Pierre 34 (P).

**Sinh học và sinh thái:** Mùa hoa quả từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

**Phân bố:** Lâm Đồng (Bảo Lộc, Di Linh), Khánh Hòa (Nha Trang, Ninh Hòa, núi Hòn Hèo), Ninh Thuận (Cà Ná), Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Kiên Giang (Phú Quốc). Còn có ở Lào, Campuchia, Thái Lan.

**Mẫu nghiên cứu:** LÂM ĐỒNG, Pierre 34 (HM). – KHÁNH HÒA, Nha Trang, Poilane 6254 (HM).

**15. *Calophyllum touranense* Gagnep. ex P. F. Stevens – Choi**

Gagnep. ex P. F. Stevens, 1980. J. Arnold Arbor. 61: 226; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 461; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 363.

Cây gỗ, cao 7-20 m, nhựa mủ màu vàng. Phiến hình bầu dục đến hình trứng. Cụm hoa ở đỉnh cành, sát lá ở đỉnh, nhiều hoa, trục 5 cm, có lông lúc non, lá bắc hình trứng, dài 4 mm. Hoa lưỡng tính, cuống 3-5,5 mm; đài và tràng gần hình cầu. Nhị nhiều, chỉ nhị 4 mm, bao phấn hình thuôn, 0,6-1 mm, đỉnh tròn; bầu 1,5 mm, vòi nhụy 3 mm. Quả hình trứng hay bầu dục, dài 2-3,5 cm, đỉnh tròn hay nhọn, vỏ dày 3-5,5 mm.

**Loc. class.:** Indochina. **Holotypus:** Clemens 4162 (A).

**Sinh học và sinh thái:** Mọc ở núi đá. Ra hoa tháng 4, quả tháng 7-10.

**Phân bố:** Mới thấy ở Thừa Thiên-Huế (Hội Mít), Đà Nẵng. Còn có ở Thái Lan.

*Mẫu nghiên cứu*: ĐÀ NẴNG, Hòa Vang, Poilane 7179, 7341 (HM).

### III. KẾT LUẬN

Sau quá trình nghiên cứu, chi *Calophyllum* ở Việt Nam hiện có 14 loài và 1 thứ. Chúng tôi đã mô tả đặc điểm ngắn gọn của các loài; cung cấp một số thông tin về mẫu chuẩn, vùng phân bố, sinh học và sinh thái, mẫu nghiên cứu và giá trị sử dụng.

*Lời cảm ơn*: Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn Đề tài cơ sở mã số IEBR.DT.02/17-18, nhiệm vụ cơ sở mã số IEBR.NV.02/17.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Anderson T.**, 1874. In: J. D. Hooker, Flora of British India, Savill Edwards and co, Printers, London, 1: 258-278.
2. **Nguyễn Tiên Bản**, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2: 361-369.
3. **Gagneppain F.**, 1994. Supplement A La Generale De L'Indochine, Meseum National d' Histoire Naturelle, Paris, 1(3): 254-277.
4. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, Hà Nội, 1: 448-465.
5. **Hsiwen L., L. Yanhui, T. Shaoquan et T. Gouda**, 1990. Flora Reipublicae Popularis Sinicae, Science Press, Beijing, 50 (2): 3-112.
6. **Pitard C. J.**, 1910. In: F. Gagneppain, Flore Générale de L' Indochine, Paris, 1(2): 292-330.
7. **Vesque J.**, 1893. In: C. A. P. Candolle (ed.). Guttiferae. Monographia Phanerogamarum, Paris, 8: 1-669.
8. **Wu Z. Y., P. H. Raven & D. Y. Hong**, 2007. Flora of China (*Clusiaceae* through *Araliaceae*), Science Press, Beijing, and Missouri Botanical Garden Press, St. Louis, 13: 1-47.

### MORPHOLOGICAL CHARACTERISTICS OF THE SPECIES IN THE GENUS *CALOPHYLLUM* L. (CLUSIACEAE Lindl.) FROM VIETNAM

**Le Ngoc Han, Tran The Bach, Tran Duc Binh,  
Doan Hoang Son, Thieu Thi Huyen Trang,  
Bui Thu Ha, Sangmi Eum**

#### SUMMARY

The genus *Calophyllum* L. belonging to family Clusiaceae Lindl. comprises about 190 species in the world and mainly distributed in the tropical regions. In Vietnam, the genus is represented by 14 species and on variety. In this study, we provide taxonomic descriptions of the species in the genus *Calophyllum* from Vietnam along with their ecological and biological characters and distribution.